



**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1**
Số: 031/3/22AB/YEG/CVCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái; và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021 có biến động trên năm phần trăm (5%), cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 (1)	Năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lỗ sau thuế TNDN	(216.346.811.598)	(70.622.805.179)	(145.724.006.419)

Lỗ sau thuế TNDN của công ty mẹ năm 2021 tăng 145.724.006.419 đồng so với năm 2020 chủ yếu là do khoản trích lập dự phòng đầu tư vào công ty con của Công ty mẹ trong năm 2021



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 so với năm 2020

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 (1)	Năm 2020 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	29.990.231.362	(179.998.905.303)	209.989.136.665

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 tăng 209.989.136.665 đồng so với năm 2020 là do trong năm 2021 Tập đoàn có ghi nhận khoản doanh thu tài chính từ việc thoái vốn các công ty con dẫn đến sự chênh lệch này.

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trước và sau kiểm toán năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 Trước kiểm toán (1)	Năm 2021 Sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	149.023.739.528	(216.346.811.598)	(365.370.551.126)

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau kiểm toán năm 2021 giảm 365.370.551.126 đồng so với trước kiểm toán chủ yếu là do điều chỉnh tăng khoản trích lập dự phòng vào cty con cho các khoản lỗ đã phát sinh vào năm 2019 và 2020.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021 Trước kiểm toán (1)	Năm 2021 Sau kiểm toán (2)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Chênh lệch (%) (4)=(3)/(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	27.742.347.416	29.990.231.362	2.247.883.946	8,10%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất năm 2021 sau kiểm toán tăng 8,1% so với trước kiểm toán, tương đương 2.247.883.946 đồng chủ yếu là do điều chỉnh giảm chi phí một số hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 đã được đăng tải trên website của Công ty: **www.yeah1group.com**

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1



Tổng giám đốc

Đào Phúc Trí



Ngày 31 tháng 3 năm 2022,

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Tòa nhà Saigon Tower
29 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Thưa Quý Công ty,

Thư giải trình – Kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty TNHH PwC (Việt Nam) đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhằm mục đích đưa ra ý kiến, có hay không có sự kiện nào đáng lưu ý để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không được trình bày trung thực và hợp lý cũng như không phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam (gọi chung là “VAS”). Cụm từ “báo cáo tài chính” được nhắc đến trong thư giải trình này được hiểu là các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Bằng tất cả những hiểu biết và tin tưởng của chúng tôi, và sau khi đã thảo luận, xác nhận với Ban Tổng giám đốc và nhân viên khác của Tập đoàn, chúng tôi xác nhận những giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính

- 1.1 Chúng tôi thừa nhận sự hiểu biết về trách nhiệm của mình đề cập trong các điều khoản của hợp đồng kiểm toán số EL-HCMC7416 ngày 8 tháng 7 năm 2021. Chúng tôi cũng đã hoàn thành trách nhiệm của mình theo như những điều khoản quy định trong hợp đồng kiểm toán về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- 1.2 Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đã được phản ánh và ghi chép đúng trong báo cáo tài chính.
- 1.3 Các giả định quan trọng được chúng tôi sử dụng trong việc lập các ước tính kế toán, bao gồm cả xác định giá trị hợp lý, là hợp lý.
- 1.4 Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày lập các báo cáo tài chính mà VAS đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc thuyết minh đối với các sự kiện đó đã được điều chỉnh hoặc thuyết minh.
- 1.5 Không có bất kỳ một trường hợp vi phạm hay có khả năng vi phạm các quy định liên quan tới Ban Tổng Giám đốc hoặc nhân viên có vai trò thiết yếu đối với hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc những tác nhân có thể tác động trọng yếu đến các báo cáo tài chính.



- 1.6 Tập đoàn có quyền sở hữu thỏa đáng đối với tất cả các tài sản và tài sản của Tập đoàn không bị cầm cố hoặc bị ngăn trở ngoại trừ những điều đã được trình bày trong các báo cáo tài chính.
- 1.7 Chúng tôi đã ghi chép và trình bày đúng tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thật và nợ tiềm tàng, và đã trình bày tất cả các bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan trong các báo cáo tài chính.
- 1.8 Tùy trường hợp, những nội dung sau đây đã được ghi nhận đúng và trình bày thỏa đáng trong các báo cáo tài chính:
- (a) Không có các khoản lỗ phát sinh do các cam kết mua bán.
 - (b) Không có các thỏa thuận và quyền chọn mua lại các tài sản đã bán trước đây.
 - (c) Tài sản cầm cố, thế chấp đã trình bày và thuyết minh một cách đầy đủ trên các báo cáo tài chính.
 - (d) Không có các bảo lãnh bằng lời nói do Tập đoàn đưa ra thay mặt cho một đơn vị liên kết, một thành viên Ban Tổng Giám đốc hay bất kỳ bên thứ ba nào khác.
 - (e) Không có các thỏa thuận chính thức và không chính thức với các tổ chức tài chính liên quan đến các khoản tiền mà khi giải ngân phải phụ thuộc vào điều kiện hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến những hạn chế đối với các số dư tiền mặt và các khoản đầu tư và các hợp đồng tín dụng hay các dàn xếp tương tự.
 - (f) Không có các thỏa thuận khác không phải là các hoạt động kinh doanh bình thường.
 - (g) Không có tất cả các quyền chọn và hợp đồng mua lại cổ phần vốn, và cổ phần vốn dự trữ cho các quyền chọn, chứng quyền, chuyển đổi và các yêu cầu khác.
- 1.9 Tất cả các thỏa thuận hợp đồng ký bởi Tập đoàn với các bên thứ ba và các bên liên quan đã được phản ánh đúng đắn trong các ghi chép kế toán hoặc nếu trọng yếu đối với các báo cáo tài chính, đã được trình bày cho quý Công ty. Tập đoàn đã tuân thủ tất cả các nội dung của thỏa thuận hợp đồng mà các nội dung đó có thể gây tác động trọng yếu đến các báo cáo tài chính hợp nhất nếu không được tuân thủ.
- 1.10 Chúng tôi không có những kế hoạch hay dự định mà có thể làm thay đổi trọng yếu giá trị sổ sách hoặc phân loại tài sản và nợ phải trả đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.
- 1.11 Chúng tôi không có kế hoạch bãi bỏ các dòng sản phẩm hay các kế hoạch, dự định khác mà có thể dẫn đến bất kỳ số hàng tồn kho vượt mức nào, hoặc khiến cho hàng tồn kho bị lỗi thời và cũng không có hàng tồn kho nào được thể hiện vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được. Đồng thời, tất cả hàng tồn kho đều được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- 1.12 Chúng tôi cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết đối với hồ sơ đầu tư ra nước ngoài liên quan đến Công ty Netlink Online Corporation, Yeah1 Network Hong Kong Limited.
- 1.13 Chúng tôi xác nhận rằng, các khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh đang trong quá trình thanh lý và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của khoản đầu tư này là chắc chắn.
- 1.14 Chúng tôi xác nhận rằng, các khoản tạm ứng cho nhân viên là đích sản xuất kinh doanh và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này là chắc chắn.

3049
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN
BANG
VIỆT
NAM

- 1.15 Chúng tôi xác nhận rằng các khoản tạm ứng cho nhân viên và các khoản trả trước cho người bán đều nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các số dư này là chắc chắn.
- 1.16 Chúng tôi cam kết đã lập đủ các khoản dự phòng liên quan đến các hoạt động kinh doanh cung cấp và khai thác nội dung trên nền tảng kỹ thuật số ra nước ngoài phải trả trong tương lai của các công ty con.
- 1.17 Các ưu đãi thuế đối với Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd. và Netlink Online Corporation là phù hợp và đúng theo luật thuế các nước sở tại.
- 1.18 Chúng tôi xác nhận rằng Tập đoàn sở hữu quyền khai thác nội dung và bản quyền đối với các hình ảnh và phim trên nền tảng kỹ thuật số và nền tảng internet từ đối tác bên thứ ba được quản lý bởi Tập đoàn. Do đó, việc Tập đoàn ghi nhận doanh thu gộp là đúng bản chất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- 1.19 Liên quan đến giao dịch bán và mua lại ứng dụng Mega1 và Hợp đồng nguyên tắc Tìm kiếm đối tác sản xuất thương mại ký với Công ty Cổ phần World Trading Group ("WTG") (trước đây là Công ty Cổ phần Talent Network), chúng tôi xác nhận rằng:
- WTG là một bên thứ ba. Chủ sở hữu và Ban điều hành của Công ty này và các thành viên gia đình họ không có liên quan đến Tập đoàn.
 - Giao dịch mua bán quyền sở hữu 25% ứng dụng Mega1 được thực hiện theo giá hợp lý và việc định giá ứng dụng đã được các bên xác nhận. Khoản chênh lệch giữa giao dịch bán và mua lại đến từ giá trị gia tăng mà đối tác đã mang lại cho ứng dụng.
 - Các giao dịch này đều phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, theo đó WTG thực hiện các dịch vụ nhằm gia tăng người dùng và tìm kiếm khách hàng cho Tập đoàn.
- 1.20 Chúng tôi xác nhận rằng các khoản ứng trước cho người bán đều nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty và chúng tôi cam kết khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng này là chắc chắn.
- 1.21 Đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần tại các công ty con, chúng tôi xác nhận rằng giao dịch này đã hoàn tất và khả năng thu hồi của các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch này là chắc chắn. Đồng thời, chúng tôi xác nhận rằng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát tại các công ty con này.
- 1.22 Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn cho phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2022.
- 1.23 Liên quan đến sự bùng phát của Covid-19, chúng tôi xác nhận rằng:
- Chúng tôi đã thực hiện đánh giá sơ bộ về sự ảnh hưởng của tình huống này đối với hoạt động của Tập đoàn, bao gồm khả năng thu hồi của giá trị các tài sản, xác định giá trị tài sản, nợ phải trả.
 - Chúng tôi đã thực hiện đánh giá sơ bộ về những phát sinh sau niên độ có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục.
 - Chúng tôi đã thuyết minh những ảnh hưởng trọng yếu phát sinh sau niên độ đến giá trị các tài sản và nợ phải trả hoặc ảnh hưởng lên doanh thu.

2. Thông tin đã cung cấp

2.1 Chúng tôi đã cung cấp cho quý Công ty:

- Quyền truy cập vào tất cả các thông tin mà chúng tôi nhận thức được rằng có liên quan đến việc chuẩn bị báo cáo tài chính hợp nhất như các hồ sơ, tài liệu và các vấn đề khác.
- Tất cả các bản ghi chép khác và các thông tin liên quan có thể tác động đến việc thể hiện trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất kể cả các thuyết minh, bao gồm biên bản họp Hội đồng Quản trị và các cuộc họp có liên quan của Ban Điều hành (hoặc các tóm tắt hành động của các buổi họp gần đây mà biên bản chưa được lập); và
- Quyền tiếp cận không hạn chế với nhân viên của Công ty mà quý Công ty xác định là cần thiết để có được bằng chứng kiểm toán.

2.2 Chúng tôi đã trao đổi với Quý Công ty về tất cả các thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ mà chúng tôi biết được.

2.3 Chúng tôi đã cung cấp cho quý Công ty Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi mới nhất số 0304592171 cấp ngày 19 tháng 3 năm 2021.

2.4 Dự toán, kế hoạch về kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn đã được chúng tôi gửi thông qua qua email và các phương tiện khác trong quá trình kiểm toán.

3. Gian lận và không tuân thủ pháp luật và các quy định

3.1 Chúng tôi thừa nhận trách nhiệm thiết kế và thực hiện các hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn ngừa và phát hiện gian lận.

3.2 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty các kết quả chúng tôi đánh giá rủi ro báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị sai sót trọng yếu do gian lận.

3.3 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty về những thông tin liên quan đến gian lận hoặc nghi vấn gian lận mà chúng tôi biết ảnh hưởng đến Công ty liên quan tới những đối tượng sau:

- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- Các nhân viên có vai trò thiết yếu trong việc kiểm soát nội bộ, hay
- Những đối tượng khác mà sự gian lận có thể tác động trọng yếu tới cái bảng báo cáo tài chính.

3.4 Chúng tôi đã trình bày với quý Công ty toàn bộ thông tin liên quan đến việc quy kết gian lận hay nghi ngờ gian lận nào ảnh hưởng tới các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được truyền đạt bởi các nhân viên, các nhà phân tích, các cơ quan quản lý hay những đối tượng khác.

3.5 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty tất cả trường hợp không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ các đạo luật và quy định mà những ảnh hưởng phải được cân nhắc trong khi soạn lập các báo cáo tài chính.

71 - C
IN
1
CHỈ M

4. Thuế

- 4.1. Chúng tôi thừa nhận trách nhiệm trong việc kê khai thuế một cách chính xác đến các cơ quan thuế. Với tất cả những hiểu biết và tin tưởng của chúng tôi, các tờ khai thuế đã được nộp đến cơ quan thuế một cách chính xác. Chúng tôi đã lập dự phòng đầy đủ cho các nghĩa vụ thuế cho các hoạt động kinh doanh cung cấp và khai thác nội dung trên nền tảng kỹ thuật số ra nước ngoài phải trả trong tương lai.
- 4.2. Các mối quan hệ và các giao dịch với các bên liên quan đã được ghi nhận và thuyết minh đầy đủ theo các quy định của VAS.
- 4.3. Chúng tôi hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về thuế tại Việt Nam liên quan tới vấn đề chuyển giá. Chúng tôi xác nhận là chúng tôi đã chuẩn bị và lưu trữ đầy đủ hồ sơ chứng minh cho việc tuân thủ của chúng tôi đối với các quy định pháp luật này.

5. Giao dịch với các bên liên quan

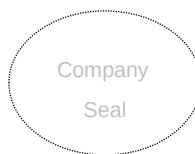
- 5.1 Chúng tôi đã trình bày cho quý Công ty cách nhận biết các bên liên quan của Tập đoàn và các mối quan hệ với các bên liên quan và các nghiệp vụ liên quan mà chúng tôi biết.
- 5.2 Mọi quan hệ với các bên liên quan và các nghiệp vụ đã được hạch toán thích hợp và công bố theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- 5.3 Chúng tôi hiểu và tuân thủ các quy định pháp luật về thuế tại Việt Nam liên quan tới vấn đề chuyển giá. Chúng tôi xác nhận là chúng tôi đã chuẩn bị và lưu trữ đầy đủ hồ sơ chứng minh cho việc tuân thủ của chúng tôi đối với các quy định pháp luật này.

6. KIỆN TỤNG VÀ BỒI THƯỜNG

- 6.1 Chúng tôi đã trao đổi với Quý Công ty về tất cả các trường hợp kiện tụng, khiếu nại thực tế đã xảy ra hoặc có thể xảy ra mà ảnh hưởng của các trường hợp này đã được xem xét trong khi lập báo cáo tài chính và những trường hợp này đã được ghi nhận, trình bày đầy đủ theo các quy định của VAS.



Đặng Phương Dung
Kế toán trưởng



Đào Phúc Trì
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 26 ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Ông Đào Phúc Trí
Ông Don Di Lam
Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Ông Trần Quốc Bảo
Ông Lý Trường Chiến
Ông Nguyễn Quang Vinh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 27 tháng 4 năm 2021)
Thành viên
(đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Thành viên
(đến ngày 27 tháng 4 năm 2021)

Ông Hoàng Đức Trung

Ông Niraan De Silva

Ủy ban kiểm toán

Ông Trần Quốc Bảo
Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Trưởng ban
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đào Phúc Trí
Ông Nguyễn Vũ Nghị
Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Lê Minh Nhật Tín

Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh

Ông Nguyễn Văn Cang

Ông Niraan De Silva

Ông Hồ Nam Đông

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 31 tháng 3 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 29 tháng 1 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 21 tháng 1 năm 2021)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng
Ông Đào Phúc Trí

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 46. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Viết Hùng Trân
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Đức Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4595-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM12251
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		585.248.385.719	135.818.355.430
110	Tiền		637.309.463	2.157.496.953
111	Tiền	3	637.309.463	2.157.496.953
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		583.014.813.478	126.186.986.439
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	36.013.324.374	20.387.574.205
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	174.232.088.739	35.852.149.181
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	392.869.400.365	83.667.263.053
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(20.100.000.000)	(13.720.000.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.596.262.778	7.473.872.038
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	220.355.550	3.717.952.045
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13(a)	1.375.907.228	3.755.919.993

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		727.685.825.687	1.385.321.882.191
210	Các khoản phải thu dài hạn		73.865.041.288	195.373.295.758
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	70.307.121.785	183.165.234.665
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	3.557.919.503	12.208.061.093
220	Tài sản cố định		6.783.178.926	7.272.367.997
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	407.975.684	837.087.883
222	Nguyên giá		4.937.142.786	4.937.142.786
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.529.167.102)	(4.100.054.903)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	6.375.203.242	6.435.280.114
228	Nguyên giá		7.024.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(649.178.912)	(589.102.040)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.086.363.637	9.177.272.727
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.086.363.637	9.177.272.727
250	Đầu tư tài chính dài hạn		639.469.441.165	1.157.581.601.732
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.074.515.628.233	1.167.121.412.233
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	9.615.625.000	9.615.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(a), 4(b)	(444.661.812.068)	(19.155.435.501)
260	Tài sản dài hạn khác		2.481.800.671	15.917.343.977
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.481.800.671	15.917.343.977
270	TỔNG TÀI SẢN		1.312.934.211.406	1.521.140.237.621

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021 VND	2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		139.015.351.185	128.108.399.469
310	Nợ ngắn hạn		139.015.351.185	128.108.399.469
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	4.670.372.687	12.666.692.101
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.338.000.000	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13(b)	2.206.475.636	1.933.830.370
314	Phải trả người lao động		4.115.112.813	-
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.303.195.829	1.723.477.912
319	Phải trả ngắn hạn khác	15	103.508.092.337	65.092.285.391
320	Vay ngắn hạn	16	21.874.101.883	46.692.113.695
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.173.918.860.221	1.393.031.838.152
410	Vốn chủ sở hữu		1.173.918.860.221	1.393.031.838.152
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		312.799.680.000	312.799.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	18	550.873.478.254	772.918.333.797
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	310.245.701.967	307.313.824.355
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		526.592.513.565	377.936.629.534
421b	- Lỗ của năm nay		(216.346.811.598)	(70.622.805.179)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.312.934.211.406	1.521.140.237.621


Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính




Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.300.338.617	31.906.115.291
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.300.338.617	31.906.115.291
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(31.134.353.836)	(30.893.801.143)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	165.984.781	1.012.314.148
21	Doanh thu hoạt động tài chính	257.066.800.574	14.013.674.327
22	Chi phí tài chính	(426.261.224.928)	(19.736.395.251)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(754.848.361)	(580.959.750)
25	Chi phí bán hàng	(826.948.996)	(255.103.541)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(22.526.115.450)	(65.510.574.842)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(192.381.504.019)	(70.476.085.159)
31	Thu nhập khác	-	6.365.636
32	Chi phí khác	(22.178.146.704)	(153.085.656)
40	Lỗ khác	(22.178.146.704)	(146.720.020)
50	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(214.559.650.723)	(70.622.805.179)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") - hiện hành	(1.787.160.875)	-
52	Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
60	Lỗ sau thuế TNDN	(216.346.811.598)	(70.622.805.179)


Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính


Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lỗ kế toán trước thuế	(214.559.650.723)	(70.622.805.179)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	489.189.071	474.010.316
03	Các khoản dự phòng	431.886.376.567	23.075.435.501
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(257.066.800.574)	(14.013.674.327)
06	Chi phí lãi vay	754.848.361	580.959.750
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(38.496.037.298)	(60.506.073.939)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(9.203.991.023)	40.907.411.363
11	Tăng các khoản phải trả	35.241.258.019	39.576.000.185
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	16.933.139.801	(8.832.262.858)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	-	85.000.000.000
14	Tiền lãi vay đã trả	(555.183.977)	(301.030.982)
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.503.119.750)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.416.065.772	95.844.043.769
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm các tài sản dài hạn khác	(454.545.455)	(9.636.458.182)
23	Tiền chi cho vay	(201.111.285.967)	(347.351.686.775)
24	Tiền thu hồi cho vay	175.589.459.289	515.080.353.599
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.684.216.000)	(598.028.721.079)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.394.547.167	92.376.900.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức được chia	2.799.516	17.145.944.426
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(21.263.241.450)	(330.413.668.011)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	90.222.511.065
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn	81.638.567.260	325.968.068.675
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(64.311.579.072)	(244.527.367.124)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	17.326.988.188	171.663.212.616
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.520.187.490)	(62.906.411.626)
60	Tiền đầu năm	2.157.496.953	65.063.908.579
70	Tiền cuối năm	637.309.463	2.157.496.953

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được trình bày tại Thuyết minh 29.


Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc
Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 46 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 24 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán - Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 3 công ty sở hữu gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 12 công ty con sở hữu trực tiếp, 12 công ty sở hữu gián tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 41 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 66 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của kỳ hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Ước tính kế toán trọng yếu**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4);
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh 8); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 10).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2021 VND	2020 VND
Tiền mặt	400.319.892	446.892.736
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	236.989.571	1.710.604.217
	<u>637.309.463</u>	<u>2.157.496.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2021				2020			
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	99,00	29.700.000.000	(*)	-
2	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	14.850.000.000	(*)	2.762.416.010	99,00	14.850.000.000	(*)	-
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	367.654.331.414	99,98	399.900.000.000	(*)	-
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sứ trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	-	99,98	588.167.412.233	(*)	-
6	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	90,00	810.000.000	(*)	810.000.000	-	-	-	-
7	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	99,70	15.640.000.000	(*)	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	70,00	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644	70,00	10.310.000.000	(*)	4.997.435.501
9	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform (i)	TP. Hồ Chí Minh	Công xử lý dữ liệu thông tin, dịch vụ thông tin, quảng cáo	99,98	8.588.216.000	(*)	8.588.216.000	99,98	7.132.000.000	(*)	-
10	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (i)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	50,98	12.000.000	(*)	-
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (i)	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	51,00	10.000.000	(*)	-
12	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital (ii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	-	-	-	-	96,67	90.000.000.000	(*)	-
13	Công ty Cổ phần Truyền thông On+ (iii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo	-	-	-	-	51,00	5.100.000.000	(*)	-
					1.074.515.628.233		444.661.812.068		1.167.121.412.233		11.297.435.501

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm theo vốn điều lệ tại các công ty con này.
- (ii) Trong năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital với tổng giá trị chuyển nhượng là 302.280.001.061 Đồng và ghi nhận khoản lãi 212.280.001.061 Đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Thuyết minh 22). Cũng theo việc chuyển nhượng này, các công ty hiện đang có phần vốn góp của Công ty Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital sau đây không còn là các công ty con gián tiếp của Công ty:
- Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing; và
 - Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số.
- (iii) Trong năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông On+ với tổng giá trị chuyển nhượng 5.100.000.000 Đồng. Công ty không phát sinh lãi, lỗ đáng kể từ việc thanh lý này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2021		2020	
				Quyền sở hữu %	biểu quyết năm giữ %	Quyền sở hữu %	biểu quyết năm giữ %
1	Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	99,63	100,00	64,98	65,00
2	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim và dịch vụ thiết kế chuyên nghiệp	94,05	95,00	94,05	95,00
3	Công ty TNHH Thương mại Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	50,99	51,00	50,99	51,00
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	-	-	99,98	100,00
5	Công ty Netlink Online Corporation	Seychelles	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	99,98	100,00
6	Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	-	-	82,17	85,00
7	Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	Tỉnh Bến Tre	Dịch vụ quảng cáo	-	-	96,67	100,00
8	Công ty Yeah1 Network Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
9	Công ty ScaleLab Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
10	Công ty Thoughtful Network Pte. Ltd.	Singapore	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
11	Công ty Yeah1 Network Hong Kong Hong Kong Limited	Hong Kong	Dịch vụ quản lý hình ảnh và phim trên nền tảng internet	-	-	99,98	100,00
12	Công ty TNHH Truyền thông Trực tuyến Netlink Việt Nam	Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo	-	-	99,99	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	2021			2020		
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	1.858.000.000
Công ty Cổ phần Shopniess	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	10,00	1.757.625.000	(*)	-	10,00	1.757.625.000
			<u>9.615.625.000</u>		<u>7.858.000.000</u>		<u>9.615.625.000</u>
							<u>7.858.000.000</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba	4.386.860.096	279.151.517
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	31.626.464.278	20.108.422.688
	<u>36.013.324.374</u>	<u>20.387.574.205</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 30(b))	174.232.088.739	35.852.149.181

Số dư thể hiện các khoản cho vay không lãi suất, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	39.090.075.288	-
Bên liên quan (Thuyết minh số 30(b))	31.217.046.497	183.165.234.665
	<u>70.307.121.785</u>	<u>183.165.234.665</u>

Số dư thể hiện các khoản cho vay với lãi suất từ 0%/năm đến 8,7%/năm, có thời hạn cho vay trên 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp (*)	250.901.052.833	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	73.456.925.660	-	59.337.805.454	-
Phải thu cổ tức	44.160.000.000	-	-	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	17.500.000.000	(17.500.000.000)	17.500.000.000	(12.250.000.000)
Phải thu lãi	3.464.219.172	(2.100.000.000)	2.840.219.175	(1.470.000.000)
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	2.242.202.700	-	2.766.166.333	-
Đặt cọc	1.000.000.000	(500.000.000)	1.053.333.334	-
Phải thu khác	145.000.000	-	169.738.757	-
	<u>392.869.400.365</u>	<u>(20.100.000.000)</u>	<u>83.667.263.053</u>	<u>(13.720.000.000)</u>
Trong đó				
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	58.155.877.069	-	30.971.928.095	-
Bên thứ ba	<u>334.713.523.296</u>	<u>(20.100.000.000)</u>	<u>52.695.334.958</u>	<u>(13.720.000.000)</u>
	<u>392.869.400.365</u>	<u>(20.100.000.000)</u>	<u>83.667.263.053</u>	<u>(13.720.000.000)</u>

(*) Số dư thể hiện khoản phải thu các bên thứ ba từ việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Truyền thông On+ và Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital. Chi tiết như sau:

	2021 VND	2020 VND
Ông Trần Minh Việt	126.540.600.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tri Thanh	76.455.000.000	-
Khác	47.905.452.833	-
	<u>250.901.052.833</u>	<u>-</u>

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thu hồi được 171.865.000.000 Đồng.

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(**) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này (Thuyết minh 8).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán lần lượt là 20.600.000.000 Đồng và 19.600.000.000 Đồng, như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

(b) Dài hạn

	2021		2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Đặt cọc	110.000.000	-	8.760.141.590	-
Bảo lãnh thanh toán (*)	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
	<u>3.557.919.503</u>	<u>-</u>	<u>12.208.061.093</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	110.000.000	-	8.760.141.590	-
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	3.447.919.503	-	3.447.919.503	-
	<u>3.557.919.503</u>	<u>-</u>	<u>12.208.061.093</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản đặt cọc cho Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến để sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	2021			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	500.000.000	(500.000.000)	Từ 1 năm đến 2 năm
	<u>20.600.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(20.100.000.000)</u>	
	2020			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	5.880.000.000	(13.720.000.000)	Từ 2 năm đến 3 năm
	<u>19.600.000.000</u>	<u>5.880.000.000</u>	<u>(13.720.000.000)</u>	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Ngắn hạn**

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	210.976.827	761.266.506
Công cụ, dụng cụ	9.378.723	36.678.301
Chi phí thuê văn phòng	-	2.920.007.238
	<u>220.355.550</u>	<u>3.717.952.045</u>

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.717.952.045	4.938.748.466
Tăng	288.921.678	16.648.640.898
Phân bổ trong năm	(3.491.291.885)	(17.869.437.319)
Thanh lý	(295.226.288)	-
Số dư cuối năm	<u>220.355.550</u>	<u>3.717.952.045</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	1.616.261.651	4.621.019.895
Chi phí cải tạo văn phòng	828.909.844	10.377.684.901
Công cụ, dụng cụ	36.629.176	918.639.181
	<u>2.481.800.671</u>	<u>15.917.343.977</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	15.917.343.977	5.864.284.698
Tăng	-	12.278.684.873
Phân bổ trong năm	(4.105.924.955)	(2.225.625.594)
Thanh lý	(9.329.618.351)	-
Số dư cuối năm	<u>2.481.800.671</u>	<u>15.917.343.977</u>

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.692.473.595</u>	<u>3.141.929.191</u>	<u>102.740.000</u>	<u>4.937.142.786</u>
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.147.782.150	2.937.081.755	15.190.998	4.100.054.903
Khấu hao trong năm	170.096.567	246.948.996	12.066.636	429.112.199
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>1.317.878.717</u>	<u>3.184.030.751</u>	<u>27.257.634</u>	<u>4.529.167.102</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	<u>544.691.445</u>	<u>204.847.436</u>	<u>87.549.002</u>	<u>837.087.883</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>374.594.878</u>	<u>(42.101.560)</u>	<u>75.482.366</u>	<u>407.975.684</u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.814.706.013 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.516.236.637 Đồng).

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.500.000.000	2.524.382.154	7.024.382.154
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-	589.102.040	589.102.040
Khấu hao trong năm	-	60.076.872	60.076.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	-	649.178.912	649.178.912
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	4.500.000.000	1.935.280.114	6.435.280.114
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.500.000.000	1.875.203.242	6.375.203.242

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2021 VND	2020 VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án triển khai thu thập dữ liệu điểm bán	-	4.090.909.090
Dự án khác	86.363.637	86.363.637
	<u>5.086.363.637</u>	<u>9.177.272.727</u>

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	9.177.272.727	-
Mua sắm	454.545.455	9.177.272.727
Nhượng bán	(4.545.454.545)	-
Số dư cuối năm	<u>5.086.363.637</u>	<u>9.177.272.727</u>

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2021		2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Truyền hình Kỹ thuật Số Miền Nam	994.499.999	994.499.999	2.197.499.999	2.197.499.999
Công ty Luật TNHH ACS Legal Việt Nam	-	-	5.162.517.360	5.162.517.360
Công ty Cổ phần Phát triển UP	-	-	3.792.100.000	3.792.100.000
Khác	2.593.172.688	2.593.172.688	1.499.574.742	1.499.574.742
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	1.082.700.000	1.082.700.000	15.000.000	15.000.000
	<u>4.670.372.687</u>	<u>4.670.372.687</u>	<u>12.666.692.101</u>	<u>12.666.692.101</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Phải thu	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
(a)	Phải thu					
	Thuế GTGT được khấu trừ	3.755.919.993	1.159.443.160	(3.539.455.925)	-	1.375.907.228
(b)	Phải nộp					
	Thuế TNDN	-	1.787.160.875	-	(1.503.119.750)	284.041.125
	Thuế thu nhập cá nhân	1.928.830.370	2.582.850.723	-	(2.594.246.582)	1.917.434.511
	Thuế GTGT	-	3.798.091.348	(3.539.455.925)	(258.635.423)	-
	Thuế khác	5.000.000	155.343.563	-	(155.343.563)	5.000.000
		1.933.830.370	8.323.446.509	(3.539.455.925)	(4.511.345.318)	2.206.475.636

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuê văn phòng	1.151.700.000	-
Lương, thưởng cho nhân viên	-	1.720.107.912
Khác	151.495.829	3.370.000
	<u>1.303.195.829</u>	<u>1.723.477.912</u>

15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Nhận đặt cọc (*)	58.800.000.000	63.800.000.000
Phải trả từ chuyển nhượng vốn góp (**)	38.400.000.000	-
Chi phí lãi vay	222.226.028	22.561.644
Khác	6.085.866.309	1.269.723.747
	<u>103.508.092.337</u>	<u>65.092.285.391</u>
Trong đó		
Bên thứ ba	44.637.066.091	1.269.723.747
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	58.871.026.246	63.822.561.644
	<u>103.508.092.337</u>	<u>65.092.285.391</u>

(*) Số dư thể hiện khoản nhận đặt cọc theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1, về việc chuyển nhượng các phần mềm liên quan đến phân phối, quản lý điểm bán hàng và gói dữ liệu 450.000 điểm bán hàng có ngành hàng nước giải khát.

(**) Số dư thể hiện khoản phải trả cho bà Nguyễn Hồng Nhung về việc mua lại số cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital mà Công ty đã chuyển nhượng cho bà này trước đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

16 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	Cán trừ (*) VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Bên thứ ba (i)	-	48.642.000.000	-		14.196.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 30(a))(ii)	46.692.113.695	32.996.567.260	(64.311.579.072)	(34.446.000.000) (7.699.000.000)	7.678.101.883
	<u>46.692.113.695</u>	<u>81.638.567.260</u>	<u>(64.311.579.072)</u>	<u>(42.145.000.000)</u>	<u>21.874.101.883</u>

(i) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các cá nhân với lãi suất từ 2%/năm đến 27,3%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay không lãi suất bằng Đồng Việt Nam từ các bên liên quan. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(*) Đây là khoản cán trừ giữa vay ngắn hạn và khoản phải thu từ giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	-	31.279.968	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2021		2020	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	7.731.408	24,72	7.981.408	25,52
Ancla Asset Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	3.048.192	9,74	3.048.192	9,74
Bà Trần Uyên Phương	1.151.196	3,68	6.935.890	22,17
Cổ đông khác	15.929.923	50,93	9.895.229	31,64
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	100	31.279.968	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	31.279.968	312.799.680.000	312.799.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	312.799.680.000	1.132.143.560.000	(141.715.291.355)	72.547.195.571	1.375.775.144.216
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(70.622.805.179)	(70.622.805.179)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(2.343.011.950)	(2.343.011.950)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(307.732.445.913)	-	307.732.445.913	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(51.492.780.290)	141.715.291.355	-	90.222.511.065
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	312.799.680.000	772.918.333.797	-	307.313.824.355	1.393.031.838.152
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(216.346.811.598)	(216.346.811.598)
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	(2.766.166.333)	(2.766.166.333)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ (ii)	-	(222.044.855.543)	-	222.044.855.543	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	-	310.245.701.967	1.173.918.860.221

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.766.166.333 Đồng.

(ii) Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2021 số 2804/2021/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, ĐHCĐ thông qua việc sử dụng một phần thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo đó, số thặng dư vốn cổ phần dùng để xóa lỗ lũy kế là 222.044.855.543 Đồng.

19 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền đã bao gồm 112 Đô la Mỹ và 105 chỉ vàng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.195 Đô la Mỹ và 99 chỉ vàng).

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và phí quản lý	24.943.129.239	30.724.872.863
Doanh thu thuần khác	6.357.209.378	1.181.242.428
	<u>31.300.338.617</u>	<u>31.906.115.291</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn cho thuê mặt bằng và dịch vụ quản lý	24.943.129.239	30.491.667.452
Giá vốn khác	6.191.224.597	402.133.691
	<u>31.134.353.836</u>	<u>30.893.801.143</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 4(a))	212.280.001.061	-
Cổ tức được chia	44.160.000.000	10.608.360.399
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	626.799.513	3.405.313.928
	<u>257.066.800.574</u>	<u>14.013.674.327</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	424.696.376.567	19.155.435.501
Chi phí lãi vay	754.848.361	580.959.750
	<u>425.451.224.928</u>	<u>19.736.395.251</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.000.000	8.154.545
Chi phí khấu hao TSCĐ	246.948.996	246.948.996
	<u>826.948.996</u>	<u>255.103.541</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.598.695.049	25.891.708.914
Chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.380.000.000	3.920.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	4.649.828.606	4.857.597.182
Chi phí nhân viên	1.712.692.750	21.956.658.687
Chi phí thuê văn phòng	942.658.970	7.216.227.542
Chi phí khấu hao TSCĐ	242.240.075	227.061.320
Chi phí tiếp khách, công tác phí	-	1.441.321.197
	<u>22.526.115.450</u>	<u>65.510.574.842</u>

26 CHI PHÍ KHÁC

	2021 VND	2020 VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng (*)	16.645.979.157	-
Lỗ do thanh lý chi phí trả trước	4.651.704.616	-
Tiền phạt thuế	850.404.413	-
Khác	30.058.518	153.085.656
	<u>22.178.146.704</u>	<u>153.085.656</u>

(*) Đây là các khoản tiền phạt liên quan đến việc vi phạm các điều khoản trong các hợp đồng đi vay và chuyển nhượng cổ phần.

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Số thuế TNDN trên sổ kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2021 VND	2020 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(214.559.650.723)	(70.622.805.179)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(42.911.930.145)	(14.124.561.036)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(8.832.000.000)	(2.200.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	3.825.761.526	481.511.482
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	47.918.168.619	15.843.049.554
Dự phòng thiếu của các năm trước	1.787.160.875	-
Chi phí thuế TNDN (*)	1.787.160.875	-
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.787.160.875	-
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	1.787.160.875	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	Đã thanh tra thuế	6.468.353.095	-	6.468.353.095
2020	Chưa thanh tra thuế	79.215.247.770	-	79.215.247.770
2021	Chưa thanh tra thuế	239.590.843.095	-	239.590.843.095

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.377.869.281	52.551.213.341
Chi phí nhân viên	18.045.076.779	34.856.658.687
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.380.000.000	3.920.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	489.189.071	474.010.316
Chi phí khác	9.195.283.151	4.857.597.182
	<u>54.487.418.282</u>	<u>96.659.479.526</u>

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	2021 VND	2020 VND
(a) Số tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực chi trong năm		
Chi cho vay ngắn hạn	201.111.285.967	347.351.686.775
Chi tiền gửi có kỳ hạn	-	23.500.000.000
	<u>201.111.285.967</u>	<u>370.851.686.775</u>
(b) Số tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn thực thu trong năm		
Thu hồi cho vay ngắn hạn	175.589.459.289	515.080.353.599
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	-	87.000.000.000
	<u>175.589.459.289</u>	<u>602.080.353.599</u>
(c) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Vay theo kế ước thông thường	<u>81.638.567.260</u>	<u>325.968.068.675</u>
(d) Số tiền đi vay thực trả trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	<u>64.311.579.072</u>	<u>244.527.367.124</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	Công ty con
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Truyền thông On+	Công ty con (thoái vốn tại ngày 17 tháng 5 năm 2021)
Công ty TNHH Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty con (thoái vốn tại ngày 27 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty con (thoái vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ Phần Yeah1 Publishing	Công ty con (thoái vốn từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	Công ty con (thoái vốn từ ngày 31 tháng 12 năm 2021)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty
Công ty TNHH Yeah1 Vision	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Nghi	Ban Tổng Giám đốc
Ông Võ Thái Phong	Bên liên quan khác

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2021 VND	2020 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	13.209.510.247	647.002.601
Các công ty con khác	15.778.035.823	28.923.947.370
Các công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	501.037.714	258.491.033
	<u>29.488.583.784</u>	<u>29.829.441.004</u>
ii) Mua dịch vụ		
Các công ty con	<u>2.328.660.184</u>	<u>323.100.000</u>
iii) Cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	107.075.414.500	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	73.151.789.141	26.780.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.472.659.168	9.773.686.775
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Care	4.678.440.000	17.880.000.000
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	1.900.000.000	52.425.000.000
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	633.378.800	191.120.000.000
Các công ty con khác	8.199.604.358	49.373.000.000
	<u>201.111.285.967</u>	<u>347.351.686.775</u>
iv) Thu hồi cho vay		
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	96.236.806.775	31.640.688.384
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	36.313.673.705	98.097.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	27.455.941.856	-
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Care	5.836.418.985	82.334.279.740
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.472.659.168	35.773.686.775
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	633.378.800	219.524.462.023
Các công ty con khác	3.640.580.000	47.710.236.677
	<u>175.589.459.289</u>	<u>515.080.353.599</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
v) Tiền lãi cho vay		
Các công ty con	623.999.997	615.682.189
vi) Vay (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	10.598.333.000	21.801.313.225
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	5.811.474.260	59.693.755.450
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Care	-	102.390.000.000
Các công ty con khác	8.887.760.000	32.403.000.000
Ông Võ Thái Phong	6.999.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc	700.000.000	-
	32.996.567.260	216.288.068.675
vii) Trả tiền vay (Thuyết minh 16)		
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	37.647.955.700	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	14.099.410.372	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	9.000.000.000	10.257.367.124
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Care	-	102.390.000.000
Các công ty con khác	3.564.213.000	1.000.000.000
	64.311.579.072	134.847.367.124
viii) Chi phí lãi vay		
Các công ty con	222.226.028	279.928.768
ix) Hoàn trả đặt cọc		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	5.000.000.000	-
x) Chuyển cọc thuê văn phòng		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	8.630.400.000	-

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
<i>xi) Tạm ứng</i>		
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	31.901.074.666	40.028.624.827
Ông Võ Thái Phong	11.584.547.167	-
Ông Đào Phúc Trí	65.941.440	6.715.305.960
Ông Nguyễn Vũ Nghị	-	15.000.000.000
Ban Tổng Giám đốc	13.090.000	254.500.967
	<u>43.564.653.273</u>	<u>61.998.431.754</u>
<i>xii) Thu hồi tạm ứng</i>		
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	12.215.273.925	43.265.326.265
Ông Võ Thái Phong	4.000.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc	23.000.000	3.823.951.391
	<u>16.238.273.925</u>	<u>47.089.277.656</u>
<i>xiii) Góp vốn</i>		
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	1.456.216.000	7.132.000.000
Công ty Cổ phần AppNews	228.000.000	5.310.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	456.430.196.079
Công ty Cổ phần Công Nghệ Truyền Thông Số 1	-	67.376.900.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	60.000.000.000
Các công ty con	-	22.000.000
	<u>1.684.216.000</u>	<u>596.271.096.079</u>
<i>xiv) Thoái vốn</i>		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Truyền Thông Số 1	-	92.376.900.000
	<u>95.100.000.000</u>	<u>92.376.900.000</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2021 VND	2020 VND	
xv) Cổ tức được chia				
	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	44.160.000.000	-	
	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	11.000.000.000	
		<u>44.160.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>	
xvi) Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con				
	Ông Võ Thái Phong	5.599.200.000	-	
	Ban Tổng Giám đốc	560.000.000	-	
		<u>6.159.200.000</u>	<u>-</u>	
xvii) Phạt vi phạm hợp đồng				
	Ông Võ Thái Phong	1.399.800.000	-	
	Ban Tổng Giám đốc	140.000.000	-	
		<u>1.539.800.000</u>	<u>-</u>	
xviii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt				
STT	Họ và Tên	Chức danh	2021 VND	2020 VND
Thù lao thành viên HĐQT				
1	Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch HĐQT	1.212.000.000	1.440.000.000
2	Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT	1.030.200.000	1.224.000.000
			<u>2.242.200.000</u>	<u>2.664.000.000</u>
Tiền lương của Ban giám đốc và người quản lý khác				
1	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám Đốc	4.418.750.000	3.166.666.667
2	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám Đốc	1.254.063.805	-
3	Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám Đốc	840.000.000	840.000.000
4	Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám Đốc	318.000.000	1.082.000.000
5	Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám Đốc	75.000.000	1.005.000.000
6	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Kế toán trưởng	564.000.000	564.000.000
			<u>7.469.813.805</u>	<u>6.657.666.667</u>

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan**

	2021 VND	2020 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	9.518.561.169	711.702.861
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	5.541.782.550	3.526.522.578
Các công ty con khác	13.694.590.441	13.310.241.623
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	2.871.530.118	2.559.955.626
	<u>31.626.464.278</u>	<u>20.108.422.688</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	95.877.472.644	16.258.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	60.699.421.541	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	8.863.836.000	7.470.000.000
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Care	4.378.170.196	5.536.149.181
Các công ty con khác	4.413.188.358	6.588.000.000
	<u>174.232.088.739</u>	<u>35.852.149.181</u>
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.918.203.328	35.779.509.433
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	6.238.843.169	6.238.843.169
Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số	-	129.526.882.063
Các công ty con khác	5.560.000.000	4.120.000.000
	<u>31.217.046.497</u>	<u>183.165.234.665</u>
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tổng	30.087.766.590	10.634.470.242
Ông Nguyễn Vũ Nghị	15.000.000.000	15.000.000.000
Ông Võ Thái Phong	7.584.547.167	-
Ông Đào Phúc Trí	4.119.344.140	4.406.169.333
Ban Tổng Giám đốc	-	126.029.345
Các công ty con	1.364.219.172	745.259.175
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	-	60.000.000
	<u>58.155.877.069</u>	<u>30.971.928.095</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2021 VND	2020 VND
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.447.919.503	3.447.919.503
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Các công ty con	1.082.700.000	15.000.000
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 15)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	58.800.000.000	63.822.561.644
Ban Tổng Giám đốc	43.797.261	-
Bên liên quan khác	27.228.985	-
	58.871.026.246	63.822.561.644
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 16)		
Các công ty con	7.678.101.883	46.692.113.695
31 CÁC CAM KẾT		
(a) Cam kết thuê hoạt động		
Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản không hủy ngang trong tương lai như sau:		
	2021 VND	2020 VND
Dưới 1 năm	1.372.388.624	18.795.188.626
Từ 1 đến 5 năm	1.149.025.097	77.879.870.229
Trên 5 năm	-	5.221.392.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	2.521.413.721	101.896.450.855
(b) Cam kết góp vốn		
	2021 VND	2020 VND
Tổng giá trị cam kết	25.465.044.000	27.549.260.000

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay.

Mã số	TÀI SẢN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.000.000.000	33.852.149.181	35.852.149.181
136	Phải thu ngắn hạn khác	117.519.412.234	(33.852.149.181)	83.667.263.053
215	Phải thu về cho vay dài hạn	7.500.000.000	175.665.234.665	183.165.234.665
216	Phải thu dài hạn khác	187.873.295.758	(175.665.234.665)	12.208.061.093

Mã số	NGUỒN VỐN	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
		Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Số liệu phân loại lại VND
319	Phải trả ngắn hạn khác	102.784.399.086	(37.692.113.695)	65.092.285.391
320	Vay ngắn hạn	9.000.000.000	37.692.113.695	46.692.113.695

33 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**Các kết quả giao dịch cổ phiếu của các cổ đông lớn**

Vào ngày 11 tháng 1 năm 2022, bà Trần Uyên Phương đã giao dịch mua thành công 3.696.808 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch của bà Trần Uyên Phương là 4.481.214 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 14,33% vốn điều lệ của Công ty.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2022, DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd. đã giao dịch bán thành công 1.524.096 cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu sau khi thực hiện giao dịch của DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd. là 1.524.096 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 4,87% vốn điều lệ của Công ty.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2022.



Đặng Phương Dung
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Vinh
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Đào Phúc Trí
Tổng Giám đốc